

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6- 2022

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phùng Văn Tân và ông Đào Trung Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 70/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST- HNGĐ ngày 17/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị Diệu H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh P (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh P (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trần Thị Diệu H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 14/10/2015 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống những năm đầu hòa thuận đến năm 2020 thì bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin ở nhau. Kể từ tháng 7/2020, vợ chồng đã sống ly thân, chị đã thuê nhà ở chỗ khác, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh Hùng.

Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là: cháu Nguyễn Lâm A, sinh ngày 18/10/2015 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/01/2020.

Khi vợ chồng sống ly thân cháu A và cháu T ở nhà anh H do gia đình anh H đang nuôi dưỡng. Kể từ cuối tháng 5/2022, chị H đã đón cháu T về trực tiếp nuôi

dưỡng. Nếu ly hôn, chị H xin nuôi cháu T, để anh H nuôi cháu A; Chị H không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

Anh H (bị đơn) đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX xử cho chị Trần Thị Diệu H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm A, sinh ngày 18/10/2015; chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/01/2020. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Trần Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị H và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, HĐXX căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh H) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị Diệu H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện T, tỉnh P ngày 14/10/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H và anh H có những bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin ở nhau. Qua việc xác minh ý kiến của Chính quyền địa phương cũng như Hội phụ nữ xã Đ cho biết quá trình chị H và anh H xảy ra mâu thuẫn và xin ly hôn, chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không đề nghị hòa giải ở cơ sở, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em.

Tòa án báo gọi anh H nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh H không đến để giải quyết. Bà Vũ Thị C là mẹ đẻ anh H có quan điểm trình bày, anh H con trai bà trao đổi với gia đình nhất trí ly hôn chị H nhưng không đồng ý đến Tòa án làm việc vì không muốn gặp mặt chị H. Vì vậy, Tòa án không thực hiện được thủ tục hòa giải đối với vụ án. Chị H và anh H đã có thời gian sống ly thân kể từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Có thể thấy tình cảm vợ chồng chị H và anh H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét nên xử cho chị H được ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Lâm A, sinh ngày 18/10/2015 và cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/01/2020. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu Nguyễn Anh T. Xét thấy, hiện nay cháu A đang sinh sống cùng gia đình anh H, do anh H cùng gia đình trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng còn cháu T do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu T còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc gần gũi của người mẹ. Vì vậy, xét giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Cháu Nguyễn Lâm A đã trên 36 tuổi, hiện cháu A đang được anh H trực tiếp nuôi dưỡng, mặc dù anh H không có quan điểm trình bày tại hồ sơ vụ án về quan điểm nuôi con chung, tuy nhiên qua xác minh tại khu dân cư và gia đình cho thấy, cháu A vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, vì vậy xét giao cháu Nguyễn Lâm A cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

* Về tài sản chung, công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết; Anh H không có quan điểm về sự

việc trên, vì vậy HĐXX tách không giải quyết trong vụ án này, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ việc khác.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Diệu H được ly hôn anh Nguyễn Văn H

[2]. Về con chung: Giao chị Trần Thị Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 20/01/2020; anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Lâm A, sinh ngày 18/10/2015 kể từ ngày 30/6/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi (thành niên), lao động tự túc được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên kia.

Chị H và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Diệu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003373 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh P. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trần Thị Diệu H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện T;
- Các Đương sự;
- Chi cục THADS huyện T;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- UBND xã Đ
- Lưu HS; VP.

Hà Thanh Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

